ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3496 /QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Xây dựng tuyến đường nối Hoa Lư với Trục dọc 07 (TD07)"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1090/TTr-SNNMT ngày 18/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Xây dựng tuyến đường nối Hoa Lư với Trục dọc 07 (TD07)" (sau đây gọi

là dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã/phường: Hoa Lư, Ý Yên, Vạn Thắng, Vũ Dương, tỉnh Ninh Bình, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các xã/phường: Hoa Lư, Ý Yên, Vạn Thắng, Vũ Dương;
- BQLDA đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, 4.

Q_VP3_ ĐTM

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Chức

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN "XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG NỐI HOA LƯ VỚI TRỤC DỌC 07 (TD07)"

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng tuyến đường nối Hoa Lư với Trục dọc 07 (TD07).

- Địa điểm thực hiện tại các xã/phường: Hoa Lư, Ý Yên, Vạn Thắng, Vũ Dương, tỉnh Ninh Bình.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình.

- Địa chỉ liên hệ: Số 179 Trương Hán Siêu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

1.2. Quy mô, mục tiêu dự án (theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18/9/2025 và Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 10/9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

- Xây dựng tuyến đường nối Hoa Lư với Trục dọc 07 (TD07) với tổng chiều dài khoảng 9,78 km và xây dựng đồng bộ các công trình trên tuyến, trong đó:

+ Tuyến chính có chiều dài dự kiến 8,84 km (điểm đầu giao với đường Trịnh Tú thuộc địa phận phường Hoa Lư, điểm cuối giao với đường Trục dọc 07 theo quy hoạch thuộc địa phận xã Vũ Dương), quy mô 04 làn xe cơ giới, chiều rộng nền đường $B_{nền}$ = 50,0 m.

+ Tuyến kết nối với Quốc lộ 10 (một phần đoạn tuyến Trục dọc 07) có chiều dài dự kiến 0,94 km (điểm đầu kết nối với điểm cuối của tuyến chính, điểm cuối tại giao với Quốc lộ 10), quy mô 04 làn xe cơ giới, chiều rộng nền đường $B_{nền}$ = 43,5 m.

- Đầu tư xây dựng cầu vượt sông Đáy, hoàn chỉnh nút giao liên thông cao tốc Bắc - Nam và nhánh kết nối đường trục kinh tế Cao Bồ - Ninh Cơ.

- Quy mô: Dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

1.3. Phạm vi

1.3.1. Các hạng mục công trình chính, phụ trợ và hoạt động của dự án đầu tư

Xây dựng hoàn thiện tuyến đường kết nối Hoa Lư với Trục dọc 07 (TD07) với tổng chiều dài 9,78 km, diện tích đất sử dụng khoảng 116,77 ha và xây dựng đồng bộ các công trình trên tuyến, gồm:

* Các hạng mục công trình chính

- Phần tuyến chính

+ Cầu sông Đáy và đường đầu cầu từ Km 0+000 đến Km 1+200 tổng chiều dài 1,2 km. Cầu gồm 06 nhịp dầm bố trí theo sơ đồ (38,2+90+2x200+90+38,2) m. Chiều dài toàn cầu tính đến đuôi mố Lc = 665,3 m; bề rộng cầu dẫn là 39,0 m; bề rộng cầu chính là 42,0 m.

+ Tuyến nối Hoa Lư với Trục dọc TD07 có chiều dài dự kiến 7,635 km quy mô 04 làn xe cơ giới, chiều rộng nền đường $B_{nền}$ = 50,0 m và đoạn qua nút giao $B_{nền}$ = 38,5 m. Trên tuyến có cầu vượt ngang đường cao tốc tại lý trình Km 3+750,17, sơ đồ nhịp (39,1+40+39,1+42+63+42+39,1+40+39,1) m, tổng chiều dài cầu tính đến đuôi mố là 395,90 m; cầu gồm 02 đơn nguyên cách nhau 1,0 m; mỗi đơn nguyên cầu có bề rộng Bc = 19,0 m.

- Tuyến kết nối với QL10 (một phần đoạn tuyến TD07) có chiều dài phần tuyến dự kiến 0,94 km, phần còn lại trong phạm vi nút giao, quy mô 04 làn xe cơ giới, chiều rộng nền đường $B_{nền}$ = 43,5 m.

- Phần nhánh kết nối: Nhánh kết nối đường trục kinh tế Cao Bồ - Ninh Cơ và các nhánh của nút giao lập thể Cao Bồ được đầu tư hoàn chỉnh. Với nhánh Cao Bồ - Ninh Cơ đầu tư với quy mô 02 làn xe cơ giới, chiều rộng nền đường $B_{nền}$ = 23,5 m. Với các nhánh nút giao Cao Bồ chiều rộng nền đường $B_{nền}$ = 8 - 19 m phù hợp với yêu cầu kĩ thuật của nút giao.

- Nút giao: Nút giao T4 tại Km 2+748,59 lý trình tuyến chính; nút giao Cao Bồ tại Km 3+750,17 lý trình tuyến chính; nút giao Cao Bồ - Ninh Cơ tại Km 4+786,19 lý trình tuyến chính; nút giao ĐT.485 tại Km 5+931,34 lý trình tuyến chính; nút giao QL10 tại Km 1+170,60 lý trình TD07; nút giao Cao Bồ - Ninh Cơ 2 tại Km 1+662,24 lý trình nhánh Cao Bồ, Ninh Cơ.

* Các hạng mục công trình phụ trợ

- Công trình trên tuyến: Hệ thống thoát nước, gia cố phòng hộ, an toàn giao thông, biển báo, chiếu sáng, cây xanh.

- Trạm thu phí: Bố trí 04 trạm thu phí tại các nhánh ra, vào cao tốc và 01 khu trực thu phí tận dụng của nút Cao Bồ hiện trạng.

1.3.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

Hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng, công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

1.5. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động cải mương, chiếm dụng công trình thuỷ lợi; hoạt động vận hành các công trường thi công, các bãi chứa tạm, hoạt động đào đắp nền đường; hoạt động thi công các hạng mục công trình trên tuyến; hoạt động vận chuyển chất thải xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của các thiết bị thi công phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại ảnh hưởng đến môi trường không khí, sức khỏe người dân, giao thông trên tuyến, hệ sinh thái dọc theo tuyến đường và tiềm ẩn nguy cơ sự cố sạt lở, ảnh hưởng đến các công trình tiêu thoát nước.

- Hạng mục thi công cầu: Hoạt động đào đắp hố móng, khoan cọc nhồi, thanh thải đê quây,... phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn, đất lẫn bentonite và dung dịch bentonite.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động duy tu, bảo dưỡng tuyến đường phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung.

- Hoạt động của nhà điều hành phát sinh chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

- Việc hình thành tuyến đường và cầu có khả năng ảnh hưởng đến tiêu thoát nước và nguy cơ xảy ra sự cố ngập úng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1 Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt khoảng 5,0 m^3/ngày/công trường thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng, gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

- Hoạt động vệ sinh dụng cụ, rửa bánh xe đối với phương tiện ra vào công trường phát sinh nước thải khoảng 4,9 m^3/ngày/công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng, gồm: Chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng.

- Hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng phát sinh nước thải xây dựng khoảng 8,0 m^3/ngày/trạm.

b) Khí thải

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu, khoan cọc nhồi, hoạt động của máy móc, thiết bị thi công các hạng mục và hoạt động tại các trạm trộn bê tông xi măng phát sinh bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng, gồm: Bụi, CO_x, NO_x, SO_2, VOC.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

a) Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động xây dựng của công nhân khoảng 25 kg/ngày/công trường. Thành phần chủ yếu: Bao bì, giấy, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn xây dựng

+ Hoạt động dọn dẹp mặt bằng phát sinh khoảng 991,58 tấn sinh khối. Thành phần chủ yếu, gồm: Thân, cành lá, rễ, cỏ dại, cây bụi, dây leo,...

+ Hoạt động phá dỡ nhà cửa, các công trình hạ tầng phục vụ thi công phát sinh khoảng 1.769,121 tấn. Thành phần: Đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu.

+ Hoạt động đào, đắp các hạng mục công trình trên tuyến phát sinh đất thải khoảng 159.656,31 tấn. Thành phần chủ yếu là đất đào dư thừa.

+ Hoạt động thi công cọc khoan nhồi xây dựng trụ cầu phát sinh khoảng 36.048 m^3. Thành phần: Đất lẫn bentonite.

+ Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án phát sinh chất thải rắn thông thường khoảng 2,28 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu, gồm: Bao bì carton, đầu mẩu thừa, sắt thép, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, bê tông thừa.

b) Chất thải nguy hại

Hoạt động văn phòng, thi công thảm nhựa và bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu đối với phương tiện thi công phát sinh CTNH khoảng 58 kg/tháng trong quá trình thi công, xây dựng. Thành phần chủ yếu, gồm: Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, vỏ thùng sơn, ắc quy thải, pin thải.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc, thiết bị (như máy xúc, máy trộn bê tông, máy đầm, máy hàn,...); từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.

- Độ rung phát sinh từ hoạt động của xe tải, máy đầm, máy trộn bê tông,...

3.1.4. Các tác động khác

- Hoạt động chuyển đổi đất lúa, đất ở để thực hiện dự án làm suy giảm diện tích trồng lúa, gây ảnh hưởng tới sinh kế của các tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất; dự án yêu cầu di dời, tái định khoảng 44 hộ dân.

- Hoạt động bóc lớp đất bề mặt tại diện tích đất trồng lúa phát sinh đất hữu cơ với tổng khối lượng khoảng 161.530 m^3.

- Hoạt động chiếm dụng và hoàn trả kênh mương có khả năng gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, ảnh hưởng đến hoạt động tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực dự án.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải có khả năng gây ngập úng, ảnh hưởng đến hệ sinh thái trên cạn và dưới nước, hoạt động giao thông đường bộ, đường thuỷ,

hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân khu vực dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố sụt lún, úng ngập cục bộ.

- Hoạt động thi công mố, trụ cầu có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt trên sông Đáy.

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công phát sinh với lưu lượng tối đa khoảng 6.310 l/s/ toàn bộ dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ, đất, cát.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Đối với nước thải, khí thải

a) Nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên tại trạm khu điều hành nhà trực thu phí khoảng 01 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5, COD, tổng nitơ, tổng phốt pho, Coliform.

b) Khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa trên tuyến đường và hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải. Thành phần gồm: Bụi, khí SO_2, NO_2, CO, CO_2, VOC…

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn

- Hoạt động sinh hoạt của nhân viên trạm trực thu phí khoảng 5,0 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ hộp thải, nilon, giấy,…

- Hoạt động bảo trì, vận hành các công trình trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường khoảng 03 m^3/đợt bảo dưỡng. Thành phần: Bê tông, cọc tiêu hỏng.

b) Chất thải nguy hại

Hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến phát sinh chất thải nguy hại khoảng 2 - 3 kg/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu: Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, sơn thừa, vỏ thùng sơn, mực in.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường phụ thuộc vào lưu lượng, thành phần các loại xe, tốc độ xe và đặc điểm của đường, công trình bên đường.

3.2.4. Các tác động khác

Việc hình thành tuyến đường gây phân mảnh đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm dọc tuyến; chia cắt khu dân cư và có thể cản trở khả năng thoát nước do hình thành tuyến đường và có nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Dự án bố trí 04 công trường thi công, tại mỗi công trường lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động thể tích khoảng 5,0 m^3/nhà vệ sinh để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt. Chất thải từ nhà vệ sinh di động được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định với tần suất khoảng 03 ngày/lần hoặc khi bể chứa đầy.

- Đối với nước thải từ quá trình xây dựng

+ Tại mỗi công trường thi công bố trí hệ thống cầu rửa xe kích thước L x B x H = (4,75 x 2,25 x 0,4) m và 01 bể lắng cấu tạo 03 ngăn với tổng dung tích khoảng 6,0 m^3 để lắng đất, cát và xử lý váng dầu trước (dùng tấm lọc dầu để thu các váng mỡ dầu). Nước thải sau khi tách dầu mỡ, lắng cặn được chuyển về bể chứa để tái sử dụng; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải rắn khác theo quy định.

+ Nước thải từ trạm trộn bê tông xi măng: Xây dựng tại mỗi công trường thi công 01 bể lắng dung tích khoảng 9,0 m^3 có cấu tạo 03 ngăn để thu gom, lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông; nước thải sau khi lắng cặn được bơm lên bồn trộn để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông, không xả thải ra môi trường.

+ Nước thải có lẫn Bentonite trong quá trình khoan cọc nhồi: Thu gom toàn bộ nước thải từ khoan cọc nhồi trong thi công cầu, không để chảy ra trực tiếp ra sông. Vì nước thải từ khoan cọc nhồi có chứa Bentonite, nước thải này được thu gom bơm hút vào khoảng 03 téc chứa thể tích 30 m^3 cùng với Bentonite để tái sử dụng cho các lần khoan tiếp theo, không thải ra ngoài môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà trực thu phí được thu gom về hệ thống của nhà điều hành chung với nhà trực thu phí của nút giao Cao Bồ với QL10.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng, nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi tái sử dụng vào mục đích tưới nước dập bụi trên công trường thi công, làm ẩm vật liệu và đất thải trước khi vận chuyển.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất

thải, phế thải; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công; lắp đặt hệ thống rửa bánh xe của phương tiện trước khi ra vào công trường; lắp đặt hàng rào tôn xung quanh các vị trí thi công tuyến, cầu và các nút giao gần các khu vực dân cư.

- Lắp đặt hàng rào tôn xung quanh vị trí thi công gần khu dân cư dọc tuyến: Km 1+000 - Km 1+600 (khu dân cư xã Ý Yên); Km 2+000 - Km 2+250 (khu dân cư xã Ý Yên); Km 3+500 – Km 4+000 (khu dân cư xã Ý Yên); Km 6+000 (khu dân cư xã Vạn Thắng); Km 1+000 - Km 7+750 - Km 8+000 (khu dân cư xã Vũ Dương).

- Phun nước giảm bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày, tăng cường tưới nước tại các vị trí thi công qua các khu vực dân cư vào những ngày khô, nắng nóng, khi gia tăng phương tiện vận tải, khi thực hiện các hoạt động phá dỡ công trình và đào, đắp san lấp mặt bằng.

- Bố trí trạm rửa xe tại lối ra của mỗi công trường thi công, xe vận chuyển được rửa bánh trước khi ra khỏi công trường thi công xây dựng.

- Thực hiện giải pháp thi công hút bụi để làm sạch mặt đường trước khi trải nhựa tại các đoạn đường đi qua các khu dân cư.

- Bố trí 01 hệ thống lọc bụi bằng túi vải tại mỗi silo của trạm trộn bê tông xi măng để ngăn bụi phát sinh từ các silo ra ngoài môi trường với quy trình xử lý bụi tại trạm trộn bê tông xi măng: Bụi → Hệ thống lọc bụi bằng túi vải → Môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

Định kỳ quét, thu gom chướng ngại vật và vệ sinh mặt đường trên tuyến.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành, đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và bảo đảm đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác (thể tích 120 lít/thùng) tại mỗi công trường để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải địa phương hàng ngày thu gom, vận chuyển, xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung theo quy định.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang sinh khối được thu gom và hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công cọc khoan nhồi xây dựng trụ cầu (đất lẫn bentonite) được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Phân loại tái sử dụng và thuê đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Lượng đất, đá đào, chất thải từ hoạt động phá dỡ được điều phối toàn bộ trong phạm vi dự án không đổ thải ra ngoài môi trường.

- Lượng đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa được điều phối để trồng cây xanh trong phạm vi dự án.

- Thu dọn công trường và thanh thải lòng sông, kênh sau khi kết thúc thi công.

b) Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

- Bố trí kho giữ chất thải nguy hại có diện tích 10 m^2, trong kho bố trí 04 thùng chứa có nắp đậy (thể tích 120 lít/thùng) được dán nhãn phân loại chất thải nguy hại. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

- Ngoài ra, Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công hạn chế việc sửa chữa phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị trong khu vực dự án nhằm giảm thiểu dầu thải, giẻ lau dính dầu phát sinh trên công trường.

4.2.2. Giai đoạn vận hành

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động vận hành, duy tu, bảo dưỡng về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định ngay sau khi có phát sinh.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng sẽ được đơn vị quản lý tuyến đường thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, đặc biệt khi đi qua các khu dân cư, trường học, công trình văn hóa, tín ngưỡng và các khu vực khác có yếu tố nhạy cảm về môi trường hoặc vào giờ nghỉ; định kỳ bảo dưỡng và bố trí thời gian hoạt động phù hợp của các thiết bị, phương tiện.

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực thi công gần các khu dân cư: Km 1+000 - Km 1+600 (khu dân cư xã Ý Yên); Km 2+000 - Km 2+250 (khu dân cư xã Ý Yên); Km 3+500 - Km 4+000 (khu dân cư xã Ý Yên); Km 6+000 (khu dân cư xã Vạn Thắng); Km 1+000 - Km 7+750 - Km 8+000 (khu dân cư xã

Vũ Dương); không thi công tại vị trí nêu trên vào thời gian từ 22h00 - 06h00 và 11h30 - 13h30; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Kiểm soát các phương tiện vận chuyển đảm bảo đúng tốc độ; trồng hành lang cây xanh tại dải phân cách, các nút giao.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ mặt đường, tín hiệu giao thông, biển báo an toàn giao thông, biển báo tốc độ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Áp dụng QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường có liên quan khác.

4.4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thu gom, quản lý các loại chất thải, nước thải phát sinh theo quy định; bố trí tập kết chất thải, phế thải tại vị trí cao ráo; che chắn các phương tiện vận chuyển, không làm rơi vật liệu vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa tạm thời tại các công trường và 02 bên tuyến trong phạm vi giải phóng mặt bằng tại chân taluy; rãnh có dạng hình thang, kích thước (miệng rãnh x đáy x sâu) khoảng (0,8 x 0,4 x 0,4) m và hố lắng kích thước khoảng (1,0 x 1,0 x 1,0) m/hố với khoảng cách khoảng 100 m/hố lắng xung quanh công trường để thu gom và lắng nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất, đá thải của dự án.

b) Giai đoạn vận hành

Định kỳ nạo vét hệ thống tiêu thoát nước trên tuyến, đảm bảo khả năng lưu thông dòng chảy.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn, đảm bảo việc tiêu thoát nước trong giai đoạn thi công, vận hành không gây ngập úng cục bộ cho khu vực dự án và xung quanh, phù hợp với quy hoạch thoát nước chung của khu vực và phải kết nối với các kênh, mương thoát nước tại khu vực.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới chất lượng nước mặt khi thi công cầu vượt sông, kênh mương

- Sử dụng hệ thống khung vây thép xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp cọc khoan nhồi để ngăn nước mặt chảy trực tiếp vào bên trong

vị trí xây dựng móng trụ và tràn đổ đất ra bên ngoài; nghiêm cấm mọi hành động thải ra môi trường xung quanh bùn khoan (đất lẫn bentonite) và dung dịch bentonite tràn đổ phát sinh trong qua trình thi công các mố, trụ bằng công nghệ cọc khoan nhồi có sử dụng bentonite. Bùn thải có chứa bentonite thu gom bằng máy bơm hút vào téc chứa, lắng lọc tái sử dụng, còn lại bùn đất lẫn bentonite chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Kết thúc thi công, tại các khu vực xây dựng cầu tiến hành thu dọn toàn bộ các công trình tạm bao gồm sắt thép, vòng vây, giàn giáo, bê tông thừa; chất thải sau thanh thải sẽ được thu gom và xử lý cùng với chất thải rắn thông thường tại công trường thi công. Thực hiện tháo dỡ các lán trại tại công trường, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; thanh thải lòng sông khu vực thi công xây dựng cầu; san gạt, đầm nén tại các vị trí công trường đáp ứng yêu cầu và bàn giao lại cho địa phương tiếp tục quản lý và sử dụng.

4.2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống kênh mương thuỷ lợi

- Hoạt động cải mương: Hoàn trả cống, kênh mương khoảng 11.350,46 m mương đất; 2792,33 m mương xây của 4.970 m^2 diện tích tưới tiêu bị ảnh hưởng theo biên bản làm việc giữa BQLDA đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình và Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ý Yên và các đơn vị quản lý công trình thuỷ lợi có liên quan.

- Thiết kế, tính toán cống thoát nước đảm bảo đủ khẩu độ thoát nước, không làm ảnh hưởng đến điều kiện thuỷ văn khu vực tuyến đi qua; không làm cản trở dòng chảy, gây ngập úng khi dự án đi vào vận hành. Bảo đảm mọi hoạt động của dự án không gây ảnh hưởng tới hoạt động lấy nước phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế dân sinh khác của người dân trong khu vực dự án.

- Thực hiện hoàn nguyên môi trường và thanh thải lòng kênh, mương khu vực dự án ngay sau khi kết thúc thi công.

- Thỏa thuận với các cơ quan quản lý công trình thủy lợi, đảm bảo hành lang bảo vệ nguồn nước, không gây sạt, lở bờ kênh, mương hoặc gây ảnh hưởng đến sự ổn định, an toàn của kênh, mương.

- Thực hiện thi công cống, cầu đúng thiết kế được cơ quan quản lý thẩm duyệt.

4.2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động thoát nước tưới tiêu khu vực và thoát nước khi đi qua khu dân cư

- Cải tạo mương, kênh, cống tại các vị trí đoạn tuyến cắt qua trước khi tiến hành thi công; hoàn thành việc cải tạo kênh, mương trước mùa mưa, mùa gieo cấy.

- Thi công các hạng mục móng trụ cầu, cống, kênh mương theo đúng trình tự thi công và phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không thi công các hạng mục liên quan đến an toàn vào mùa mưa lũ.

- Sử dụng khung vây (tường chắn nước) xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp đào hở để ngăn nước mưa chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công, bảo đảm không để đọng nước, gây ngập úng cục bộ ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt của người dân.

4.2.5. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo đền bù đất và cây trồng trên đất theo quy định; đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.3. Phương án phòng ngừa sự cố môi trường

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở, xói lở, bồi lắng

- Thi công các hạng mục móng trụ gần vị trí bờ sông theo đúng trình tự thi công và phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ giám sát sụt lún, xói lở trong suốt quá trình thi công cầu để phát hiện và xử lý kịp thời. Trường hợp xảy ra sạt lở hoặc tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, ảnh hưởng đến các công trình khác, phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Thực hiện các quy định về phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, trình cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, chấp thuận theo quy định.

c) Biện pháp phòng ngừa sự cố tràn dầu trong thi công cầu vượt sông Đáy

- Chuẩn bị thiết bị, phương tiện để ứng phó khi có sự cố tràn dầu như phao quây, vải thấm dầu chuyên dụng,…

- Phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để thực hiện các biện pháp thu gom, hạn chế dầu tràn.

- Bảo trì máy móc, thiết bị, tránh hỏng hóc, tràn đổ dầu trong quá trình thi công.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

a) Sự cố sụt lún nền đường

- Thực hiện thi công theo đúng thiết kế, phương án thi công đã duyệt.

- Định kỳ đơn vị vận hành thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng tuyến đường trong suốt thời gian vận hành nhằm đảm bảo tuyến đường luôn trong tình trạng sử dụng với chất lượng tốt.

b) Phòng ngừa sự cố xói lở, sụt lún

- Tại các vị trí có nguy cơ sạt lở, gia cố mái ta luy nền đắp bằng đinh đất, đinh đá kết hợp khung bê tông cốt thép, gia cố lề đường bê tông xi măng.

- Xây dựng hệ thống các biển báo quy định tải trọng xe tối đa được phép lưu thông trên tuyến đường theo quy định; đảm bảo việc thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật tuân thủ nghiêm các quy trình thi công và được nghiệm thu theo quy định trước khi đưa vào vận hành; thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng thi công các công trình trên tuyến.

c) Phòng ngừa sự cố cháy nổ tại khu điều hành nhà trực thu phí

- Trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) trong nhà trực thu phí và có kế hoạch PCCC được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường và chữa cháy tự động và lắp đặt họng cấp nước cứu hỏa theo tính toán PCCC. Tại mỗi tầng sử dụng được lắp đặt hộp cứu hỏa theo quy định gồm: Van, lăng, vòi phun và các bình bọt CO2 tại vị trí trung tâm, dễ thấy và thuận lợi sử dụng khi có sự cố.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

- Sau giai đoạn thi công xây dựng và hoàn tất hồ sơ, đơn vị được giao quản lý tuyến đường chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình và thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành dự án.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến công tác bảo vệ tuyến đường trên các phương tiện thông tin đại chúng cho cộng đồng dân cư.

- Trồng và chăm sóc cây xanh dọc tuyến đường.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát:

+ 04 điểm tại 04 vị trí đặt trạm trộn bê tông xi măng.

+ 06 điểm giám sát trên tuyến đường, đoạn đi qua khu dân cư (KDC), gồm:

(1) KDC điểm đầu dự án phường Hoa Lư tại lý trình Km 0+000.

(2) KDC xã Ý Yên tại lý trình Km 1+500.

(3) KDC xã Ý Yên tại lý trình Km 2+600.

(4) KDC nút giao Cao Bồ mới xã Ý Yên tại lý trình Km 4+147.

(5) KDC xã Vạn Thắng tại lý trình Km 6+00.

(6) KDC thôn Lũ Phong, xã Vũ Dương tại lý trình Km 7+700.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng, CO, SO_2, NO_2.

- Tần suất giám sát: 02 tháng/lần trong suốt thời gian thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

về chất lượng môi trường không khí; QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung động.

b) Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

c) Giám sát khác

Thực hiện giám sát nguy cơ sạt lở, sụt lún, nứt các công trình hạ tầng và nhà dân trong thời gian thi công xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.2.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành

a) Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

b) Giám sát khác

Thực hiện giám sát nguy cơ sạt lở, sụt lún, nứt các công trình hạ tầng và nhà dân trong thời gian bảo hành công trình theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

6.1. Khoanh định ranh giới của dự án và chỉ được triển khai thực hiện dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của dự án; thiết kế thi công và xây dựng công trình thủy lợi hoàn trả phải đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, tưới tiêu nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và hoạt động dân sinh khác tại khu vực dự án.

6.3. Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

6.4. Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật

Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

6.5. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước kênh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án.

6.6. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện dự án; xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình triển khai dự án.

6.7. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi dự án, đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành dự án.

6.8. Thực hiện các biện pháp phòng chống xói lở bờ sông, hai bên mố cầu; theo dõi liên tục, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng xói mòn, sạt lở tại khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án; trong quá trình thi công nếu phát sinh sự cố sạt lở gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng hoặc gây cản trở tới hoạt động giao thông thủy phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan và chính quyền địa phương để khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.9. Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết, thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan, bảo đảm an toàn cho người, phương tiện, các công trình trong khu vực dự án.

6.10. Cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về thủy lợi, an toàn đê điều, tài nguyên nước, đảm bảo hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án không ảnh hưởng đến an toàn đê điều, khu vực bãi sông. Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công và thanh thải lòng sông, kênh, mương khu vực dự án, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện.

6.11. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.12. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm

định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.13. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ và thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.